

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TP. BUÔN MA THUỘT **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 97/2025/DS-ST
Ngày: 09- 06 – 2025
“V/v Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hưng
2. Ông Phạm Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quỳnh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột: Ông Phạm Việt Bắc; chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 06 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 595/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 07 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 04 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/QĐH-DS ngày 19 tháng 05 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phùng Văn S, sinh năm 1979(Vắng mặt);
Nơi thường trú: Thôn Đ, xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum;
Địa chỉ nhận văn bản: 17 N, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum;
Đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm: 1975; (Có mặt)
Địa chỉ: A N, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum;

2. Bị đơn: Tổng công ty B- Công ty bảo hiểm BSH Tây Nguyên
Đại diện: Ông Nguyễn Mạnh K – Phó giám đốc phụ trách; (Vắng mặt)
Địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Công ty TNHH K2;
Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn P – Chức danh: Giám đốc (Vắng mặt)
Địa chỉ: I N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

3.2 Tổng công ty B;
Địa chỉ: Tầng B, tòa nhà V, số C D, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội;
Đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn K1 – Chức danh: Tổng giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Khánh T1, ông Phan Văn N (Ông T1 vắng mặt, ông N có mặt)

Địa chỉ: Tầng B, tòa nhà V, số C D, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1]. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền ông Huỳnh Thanh T trình bày:

Ông Phùng Văn S và TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B (sau đây gọi tắt là Công ty B) ký kết hợp đồng bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới số 007-04/23/2G/HD ngày 09/10/2023 đối với xe ô tô con biển kiểm soát 82A-128.48, chủ sở hữu là Phùng Văn S, số tiền phí bảo hiểm: 10.659.000 đồng, ông S đã thanh toán đủ phí bảo hiểm, hợp đồng có hiệu lực từ ngày 09/10/2023 đến ngày 09/10/2024, Công ty B đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0143636 ngày 09/10/2023 cho ông S. Ngày 29/10/2023, ông S điều khiển xe ô tô con biển kiểm soát 82A-128.48 bị tai nạn, ngày 30/10/2023 Phòng CSGT tỉnh K lập Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường bộ, đưa ông S đến Bệnh viện đa khoa huyện N để xét nghiệm nồng độ cồn, kết quả Phiếu kết quả xét nghiệm Sinh hoá ngày 29/10/2023 định lượng Ethenol (cồn) có trị số: 0.2 mmol/L < (nhỏ hơn) 10.9 mmol/L thuộc trị số bình thường. Sau đó Phòng CSGT tỉnh K lập Biên bản giải quyết vụ tai nạn ngày 19/11/2023, nội dung: nguyên nhân và lỗi của các bên khi xảy ra tai nạn (mục 2) không giảm tốc độ khi đến đoạn đường cong, không do lỗi sử dụng rượu bia; hình thức xử phạt (mục 3) không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo (theo điểm a khoản 1 Điều Nghị định 100/2019/NĐ-CP) không phạt lỗi sử dụng rượu bia.

Ngay sau khi xảy ra tai nạn, ông S đã thông báo cho Công ty B theo quy định tại hợp đồng số 007-04/23/2G/HD, Công ty B đã cử người đến hiện trường kiểm tra vụ việc và lập Biên bản giám định ngày 29/10/2023. Sau đó, Công ty B giới thiệu đơn vị sửa chữa là CN Công ty TNHH K2 tại Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là CN Công ty K2) để sửa chữa xe hư hỏng, ngày 25/12/2023 ông S đã đưa xe đến Công ty K2 để sửa chữa. Đến ngày 28/3/2024 đại diện các bên gồm: CN Công ty K2, nhà cung cấp xe Subaru tại Đắk Lắk, đại diện Công ty B (ông Hoàng Quang H) cùng lập Biên bản hợp số 0103/KSDL với nội dung thống nhất Danh mục phương án sửa chữa xe với số tiền là 624.835.454 đồng (Bằng chữ: *Sáu trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm ba mươi lăm ngàn, bốn trăm năm mươi bốn đồng*) (chưa bao gồm VAT). Ngày 16/4/2024 Công ty B ban hành Thông báo công nhận giá sửa chữa xe BKS 82A-128.48, số tiền: 624.835.454 đồng (Bằng chữ: *Sáu trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm ba mươi lăm ngàn, bốn trăm năm mươi bốn đồng*) (chưa bao gồm VAT). Ngày 30/5/2024 Công ty B ban hành Thông báo số 63/2024/TB-BSH-TN gửi cho ông S, nội dung: Công ty B căn cứ kết quả xét nghiệm Sinh hoá của ông Phùng Văn S tại bệnh viện Đ ngày 29/10/2023 định lượng E (cồn) là 0.2mmol/L và đối chiếu với khoản 4 điều 8 Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới ban hành theo Quyết định số 2758/2018/QĐ-BSH-QLNVI ngày 25/12/2018 của Tổng Công ty B về những điểm loại trừ chung không được bảo hiểm “4. Người điều khiển xe ô tô trong tình trạng có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở, ... theo quy định của pháp luật.” do đó Công ty B cho rằng vụ tai nạn xe ô tô con biển kiểm soát 82A-128.48 ngày 29/10/2023 thuộc điểm loại trừ bảo hiểm nên không chấp nhận bồi thường thiệt hại vật chất xe (82A-128.48 bị tai nạn ngày 29/10/2023), số tiền từ chối bồi thường là

624.835.454 đồng. Việc Công ty B căn cứ vào khoản 4 điều 8 Quyết định số 2758/2018/QĐ-BSH-QLNVI ngày 25/12/2018 và Phiếu kết quả xét nghiệm Sinh hoá ngày 29/10/2023 để loại trừ bảo hiểm và từ chối bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm cho ông S là trái quy định pháp luật, vi phạm hợp đồng bảo hiểm đã ký kết đối với nguyên nhân dẫn đến tai nạn xe được bảo hiểm, cụ thể:

Theo Biên bản giải quyết vụ tai nạn ngày 19/11/2023 của Phòng CSGT tỉnh Kon Tum: nguyên nhân và lỗi của các bên khi xảy ra tai nạn không giảm tốc độ khi đến đoạn đường cong, không do lỗi sử dụng rượu bia; hình thức xử phạt không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biên báo, không phạt lỗi sử dụng rượu bia. Như vậy, cơ quan chức năng đã xác định ông S lái xe xảy ra tai nạn không do lỗi sử dụng rượu bia.

Phiếu kết quả xét nghiệm Sinh hoá ngày 29/10/2023 (*xét nghiệm đối với người lái xe gây tai nạn là ông S*) định lượng Ethenol (cồn) có trị số: 0.2 mmol/L < (nhỏ hơn) 10.9 mmol/L thuộc trị số bình thường (*không phải do sử dụng rượu bia hoặc các chất tương tự*), tức không vượt quá mức trị số bình thường theo Quyết định 320/QĐ-BYT ngày 23/1/2014 của Bộ Y thì định lượng Ethenol (cồn) có trị số bình thường: < 10.9 mmol/L (theo mục IV, Danh mục). Như vậy, ông S không uống rượu bia khi lái xe, không tự đặt mình vào hoàn cảnh rủi ro dẫn đến sự kiện bảo hiểm (tức sử dụng *rượu bia hoặc các chất có cồn*), do đó không thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo quy định tại điểm đ) Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 “2. Các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

Doanh nghiệp bảo hiểm không có trách nhiệm bồi thường bảo hiểm trong các trường hợp sau:

...

đ) Thiệt hại đối với tài sản do lái xe điều khiển xe cơ giới mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức trị số bình thường theo hướng dẫn của Bộ Y; sử dụng ma túy và chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật.”

Như vậy, trường hợp nồng độ cồn trong máu của ông S trong trị số bình thường 0.2mmol/L thấp hơn 54,5 lần ($=10.9/0.2$) nên không thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm theo quy định của pháp luật. Đồng thời, để kiểm tra độ cồn nội sinh của ông S, ngày 17/6/2024 ông S không uống rượu bia trước khi xét nghiệm, ông S đến Bệnh viện Đ để kiểm tra nồng độ cồn trong máu, kết quả xét nghiệm: định lượng cồn trong máu là 0,4mmol/L, trong trị số bình thường 0-10,9 mmol/L như kết quả xét nghiệm lúc xảy ra tai nạn ngày 29/10/2023.

Công ty B từ chối bồi thường xe ô tô bị tai nạn cho ông S theo hợp đồng là vi phạm pháp luật hiện hành. Do đó, ông S yêu cầu Toà án buộc Công ty B thanh toán tiền sửa chữa xe với số tiền là 624.835.454 đồng và trả lãi do chậm chi trả từ ngày 16/4/2024 đến nay với lãi suất 10%/năm là 62.483.000đồng.

Ngoài ra theo hợp đồng bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới số 007-04/23/HD ngày 09/10/2023 ký kết giữa ông Phùng Văn S với Tổng công ty B – Địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, ngoài ra tại khoản 2 Điều 7 của hợp đồng cũng xác định trách nhiệm xem xét, giải quyết và thanh toán tiền bảo hiểm là của bên B tức Tổng công ty B.

Do đó ông Phùng Văn S khởi kiện đối với bị đơn là Tổng công ty B.

2.] Bị đơn Tổng công ty B, Công ty B, đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Mạnh K trình bày: Công ty B là đơn vị chi nhánh thành viên hạch toán phụ thuộc và không có tư cách pháp nhân, do đó đề nghị Tòa án đưa Tổng công ty B vào tham gia tố tụng với tư cách bị đơn.

3].Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tổng công ty B, đại diện theo ủy quyền ông Trịnh Khánh T1, ông Phan Văn N trình bày:

Công ty B là đơn vị chi nhánh thành viên của Tổng công ty B hoạt động kinh doanh trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên; Công ty B không có tư cách pháp nhân và hạch toán phụ thuộc đối với Tổng công ty B, việc ký kết hợp đồng bảo hiểm với khách hàng là do Tổng công ty B ủy quyền hàng năm cho Công ty B. Do đó, nguyên đơn khởi kiện xác định bị đơn là Tổng công ty B là sai đối tượng khởi kiện trong vụ án này.

B và ông Phùng Văn S có ký kết hợp đồng bảo hiểm số 007-04/23/2G/HD/0002369 ngày 09/10/2023; Loại hình bảo hiểm: VCX; Người được bảo hiểm: Ông Phùng Văn S; Đối tượng bảo hiểm: Xe Subaru BKS: 82A-128.48;

Điều kiện bảo hiểm: Bảo hiểm tự nguyện xe theo “Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới” ban hành theo Quyết định số 2758/2018/QĐ-QLNV1 ngày 25/12/2018 của Tổng Giám đốc Tổng công ty cổ phần B Giá trị xe khai báo: 969.000.000 đồng.

Thời hạn bảo hiểm: 11h00 ngày 09/10/2023 đến 11h00 ngày 09/10/2024.

Khoảng 9h00 ngày 29/10/2023 tại Km số 6+900 Đường Q thuộc tỉnh Kon Tum xảy ra vụ tai nạn giao thông đối với xe ô tô BKS: 82A-128.48 do ông Phùng Văn S lái xe đến đoạn khúc cua gần nhà thì bất ngờ không kiểm soát được tốc độ làm xe lao xuống mương, đâm vào cột bê tông và gốc cây trên đường. Ngày 19/11/2023, Công an tỉnh K đã lập biên bản giải quyết vụ tai nạn giao thông, nguyên nhân gây tai nạn là do ông S không giảm tốc độ khi đến đoạn đường cua. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính với lỗi không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường căn cứ Điểm a, Khoản 1, Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của chính phủ.

Sau khi bị tai nạn, ông S đã thực hiện xét nghiệm chất kích thích/nồng độ cồn trong máu theo quy định. Tại Phiếu kết quả xét nghiệm sinh hóa của Bệnh viện Đ ghi nhận ngày 29/10/2023 có định lượng Ethanol (cồn) trong máu là 0,2 mmol/l. Ngày 30/5/2024, Bảo hiểm BSH đã gửi Thông báo số 63/2024/TB-BSH-TN về việc từ chối giải quyết bồi thường đối với tổn thất VCX ô tô 82A-128.48 do lái xe có nồng độ cồn trong máu, là tình trạng của người điều khiển xe ô tô bị cấm theo quy định của pháp luật căn cứ tại: 1. Khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ; Khoản 6 Điều 5, Điều 35 Luật phòng chống tác hại rượu bia; điểm c khoản 6 điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của chính phủ quy định các hành vi bị nghiêm cấm khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông: “Điều khiển xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn” 2. Từ quy định trên dẫn chiếu đến Điều 8 Quy tắc bảo hiểm ô tô ban hành kèm theo Quyết định số 2758/2018/QĐ-BSH-QLNV1 ban hành 25/12/2018 của Tổng công ty cổ phần B: “Những điểm loại trừ chung: BSH không chịu trách nhiệm bồi thường bảo hiểm trong các trường hợp sau:

“4. Người điều khiển xe ô tô trong tình trạng có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở, sử dụng ma túy và chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật” Từ những căn cứ trên, thấy rằng lái xe Phùng Văn S đã điều khiển phương tiện giao thông khi có nồng độ cồn trong máu vượt quá mức cho phép theo quy định của pháp luật. Vì vậy, tổn thất trên thuộc vào điểm loại trừ bảo hiểm của BSH. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Bảo hiểm BSH, đảm bảo việc thực thi đúng pháp luật. Bảo hiểm BSH kính đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị tuyên xử:

-Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn S về việc: Buộc Tổng công ty B- Công ty B phải trả số tiền: 687.318.454đồng; trong đó: 624.835.454 đồng gốc và 62.483.000đồng tiền lãi tính đến ngày 16/04/2025 cho ông Phùng Văn S.

-Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Tổng công ty B -Công ty B và ông Phùng Văn S có ký kết hợp đồng bảo hiểm số 007-04/23/2G/HD/0002369 ngày 09/10/2023; Loại hình bảo hiểm: VCX; Người được bảo hiểm: Ông Phùng Văn S; Đối tượng bảo hiểm: Xe Subaru BKS: 82A-128.48; Điều kiện bảo hiểm: Bảo hiểm tự nguyện xe theo “Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới” ban hành theo Quyết định số 2758/2018/QĐ-QLNV1 ngày 25/12/2018 của Tổng Giám đốc Tổng công ty cổ phần B, Giá trị xe khai báo: 969.000.000 đồng. Thời hạn bảo hiểm:11h00 ngày 09/10/2023 đến 11h00 ngày 09/10/2024.

Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là Tổng công ty B -Công ty B vì đã từ chối bồi thường xe ô tô bị tai nạn cho ông Phùng Văn S theo hợp đồng bảo hiểm đã ký là vi phạm pháp luật hiện hành. Phòng Cảnh sát Công an tỉnh K và Bệnh viện Đ trả lời là ông Phùng Văn S điều khiển xe từ 19h00 ngày 28/10/2023 đến 09h00 ngày 29/10/2023 ông ở nhà riêng và không có sử dụng rượu bia chất liên quan đến cồn. Do đó, ông Phùng Văn S yêu cầu Toà án buộc Tổng công ty B -Công ty B thanh toán tiền sửa chữa xe với số tiền là 624.835.454 đồng và trả lãi do chậm chi trả từ ngày 16/4/2024 đến nay. Chứ ông Phùng Văn S không kiện Tổng công ty B phải trả số tiền trên.

Hội đồng xét thấy: Tổng công ty B - Công ty B là đơn vị Chi nhánh thành viên của Tổng công ty B hoạt động kinh doanh trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên theo Giấy phép điều chỉnh số 56/GPĐC12/KDBH ngày 20/08/2012 của Bộ T2; Tổng công ty B - Công ty B không có tư cách pháp nhân và hạch toán phụ thuộc đối với Tổng công ty B, việc ký kết hợp đồng bảo hiểm với khách hàng là do Tổng công ty B ủy quyền hàng năm cho Tổng công ty B - Công ty B. Do đó, nguyên đơn ông Phùng Văn S khởi kiện xác định bị đơn là Tổng công ty B - Công ty B là sai đối tượng khởi kiện nên không có căn cứ chấp nhận nên cần phải bác yêu cầu này.

Ông Phùng Văn S có quyền khởi kiện thành một vụ án khác khi có yêu cầu.

[3]. Về lãi suất: Ông Phùng Văn S yêu cầu tính lãi từ ngày 16/04/2024 đến ngày xét xử 16/04/2025 là 365 ngày với lãi suất là 10%/năm; Cụ thể:

$624.835.454 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 365 \text{ ngày} = 62.483.000 \text{ đồng}$

Tổng cộng: Gốc: 624.835.454 đồng + 62.483.000 đồng = 687.318.454 đồng.

Do yêu cầu khởi kiện số tiền gốc không được chấp nhận nên cần bác cả yêu cầu tính lãi của ông Phùng Văn S.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên bị đơn ông Phùng Văn S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật cụ thể:

$20.000.000 \text{ đồng} + (287.318.454 \text{ đồng} \times 4\%) = 31.492.738 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phùng Văn S được khấu trừ vào số tiền 14.497.000 tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 00013146 ngày 05/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột và khấu trừ vào số tiền 1.562.000 tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001363 ngày 28/04/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Ông Phùng Văn S còn phải nộp số tiền 15.433.738 đồng án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 266, Điều 271, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 584, Điều 586, Điều 587, Điều 588, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 12, 15, 16, 17, 18, 21, 29 Điều 46, 47 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2010

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn S về việc:

- Buộc Tổng công ty B - Công ty B phải trả số tiền: 687.318.454 đồng; trong đó: 624.835.454 đồng gốc và 62.483.000 đồng tiền lãi tính cho ông Phùng Văn S.

[2]. Về án phí dân sự: Ông Phùng Văn S phải nộp: 31.492.738 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phùng Văn S được khấu trừ vào số tiền 14.497.000 tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 00013146 ngày 05/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B và khấu trừ vào số tiền 1.562.000 tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001363 ngày 28/04/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột. Ông Phùng Văn S còn phải nộp số tiền 15.433.738 đồng án phí DSST.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- P. Kiểm tra - TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Vĩ